

## LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

### QUYỂN 3

#### 5-GIẢI THÍCH TRÚ THÀNH VƯƠNG-XÁ

**KINH:** Trú ở thành Vương-xá

**LUẬN:** Hỏi: Sao không nói ngay pháp Bát-nhã Ba-la-mật, mà nói Phật trú ở thành?

Đáp: Nói nơi chốn, thời gian và nhân vật, khiến lòng người sanh tịnh tín vậy.

Sao gọi là trú? Thân có bốn oai nghi là: Nằm, ngồi, đi, đứng, ấy gọi là trú. Lại nữa, để làm khiếp sợ bọn Ma quân và khiến chúng đê tử hoan hỷ nhập vào các Thiên định, cho nên Phật trú ở thành Vương-xá này.

Lại nữa, có ba thứ trú là: Thiên trú, Phạm trú và Thánh trú. Trú pháp của trời Lục dục gọi là Thiên trú. Trú pháp của Phạm-thiên cho đến Phi-phi-tưởng-thiên, ấy gọi là Phạm trú. Trú pháp của chư Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán gọi là Thánh trú. Trong ba trú pháp ấy, đức Phật trú nơi trú pháp của bậc Thánh; vì thương xót chúng sanh nên trú ở thành Vương-xá.

Lại nữa, có ba việc bố thí, trì giới, thiện tâm gọi là Thiên trú. Tu bốn tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Xả gọi là Phạm trú. Tu ba tam muội là: Không, Vô tướng, Vô tác, gọi là Thánh trú. Phật ở trong trú pháp của bậc Thánh.

Lại nữa, có bốn thứ trú là: Thiên trú, Phạm trú, Thánh trú và Phật trú. Ba thứ như trên đã nói. Phật trú là: Vô lượng tam muội như Thủ Lăng Nghiêm v.v... Mười lực, Mười tám pháp bất cộng, các thứ tuệ như Nhất thiết trí, v.v... và tám vạn bốn ngàn môn pháp tạng độ người. Những công đức của chư Phật như vậy, là chỗ trú xứ của Phật. Phật trú ở trong đó.

Lược nói về “trú” đã xong.

Nay nói về “thành Vương-xá”

Hỏi: Các đại thành như Xá-bà-đề, Ca-tỳ-la, Ba-la-nại đều có các nhà vua, cứ sao chỉ gọi thành này là Vương-xá?

Đáp: Có người nói: Vua nước Ma-kiệt-đà (Magadha) có người con một đầu, hai mặt, bốn cánh tay. Người thời bấy giờ cho là bất tướng. Vua liền xé thân và đầu người con đem quăng ra đồng vắng. Nữ quý La-sát tên là Xà-la, hiệp thân nó lại đem về nuôi, sau lớn thành người, sức mạnh gồm thâu các nước, làm vua thiên hạ, bắt tám vạn bốn ngàn quốc vương, giam ở trong năm núi này. Do thế lực mạnh trị cõi Diêm-phù-đề, người Diêm-phù-đề nhân đó gọi núi này là thành Vương-xá.

Lại nữa, có người nói rằng trong thành của vua Ma-kiệt-đà ở trước đây bị lửa cháy, mỗi lần cháy mỗi lần làm lại, như thế đến bảy lần, quốc dân mệt mỏi, vua rất lo sợ, họp các người trí hỏi ý kiến, có người nói nên đổi chỗ ở, vua liền tìm chỗ ở, thấy năm núi này bao quanh như thành, liền dựng cung điện trong đó mà ở. Do vậy mà nó có tên là thành Vương-xá.

Lại nữa, thời cổ đại, nước này có vua tên là Bà-tẩu, tâm nhằm chán thế pháp, xuất gia làm tiên nhân. Lúc ấy, các Bà-la-môn tại gia cùng với các tiên nhân xuất gia luận nghị. Bà-la-môn tại gia nói: “Kinh thư nói: Trong khi tế trời phải giết vật và ăn thịt”. Các vị tiên nhân xuất gia lại nói: “Trong khi tế trời, không nên giết vật, ăn thịt”.

Họ cùng nhau tranh cãi mãi. Các Bà-la-môn xuất gia nói: “Ở đây có vị Đại vương xuất gia làm tiên nhân, các người tin tưởng chẳng?” Các Bà-la-môn tại gia nói: “Tin”. Các vị tiên nhân xuất gia nói: “Ta nhờ người này làm chứng, hôm sau sẽ hỏi”. Các Bà-la-môn tại gia ngay đêm ấy, đi đến trước chỗ tiên nhân Bà-tẩu, hỏi mọi việc xong, nói với tiên nhân Bà-tẩu: “Ngày mai luận nghị, ông hãy giúp chúng tôi”.

Như vậy, ngày mai khi luận nghị, các tiên nhân xuất gia hỏi tiên nhân Bà-tẩu: “Trong khi tế trời, có nên giết vật ăn thịt chẳng?” Tiên nhân Bà-tẩu đáp: “Theo pháp của Bà-la-môn, trong khi tế trời nên giết vật ăn thịt”. Các tiên nhân xuất gia hỏi tiếp: “Còn thật tâm ông thì sao, có nên giết vật ăn thịt chẳng?” Tiên nhân Bà-tẩu nói: “Vì tế trời nên giết vật ăn thịt. Con vật bị chết trong khi tế trời đó, sẽ được sinh lên trời”. Các tiên nhân xuất gia nói: “Ông nói không phải, ông đại vọng ngữ!” Rồi họ liền thóa mạ, nói: “Người là kẻ mắc tội, diệt đi!”. Lúc ấy, tiên nhân Bà-tẩu liền bị lún xuống đất, lún mất cá. Đó là cánh cửa ban đầu mở ra cho kẻ có tội lớn. Các tiên nhân xuất gia nói: “Người nên nói thật, nếu cố vọng ngữ thì thân người sẽ bị lún vào trong đất”. Tiên nhân Bà-tẩu

nói: “Tôi biết vì tế trời mà giết vật ăn thịt, không tội”. Tức thì lại bị lún vào trong đất đến đầu gối. Như vậy, lún dần đến lưng, đến cổ. Các tiên nhân xuất gia nói: “Người nay vọng ngữ, thì phải chịu quả báo hiện tại như thế; còn nếu như người nói thật, tuy bị lún xuống đất nhưng chúng tôi vẫn có thể cứu ra, tha tội cho”.

Bấy giờ tiên nhân Bà-tẩu suy nghĩ: “Ta là người quý trọng, không nên nói hai lời. Lại trong bốn pháp Vệ-đà của Bà-la-môn, có nói đủ nhân duyên khen ngợi phép tế trời; chỉ một mình ta chết có gì đáng kể”, nên vẫn một lòng nói: “Trong pháp tế trời, giết vật ăn thịt không tội”. Các tiên nhân xuất gia nói: “Người là kẻ trọng tội, diệt đi, không cần nhìn thấy người nữa!”. Khi ấy toàn thân Bà-tẩu bị lún sâu trong lòng đất.

Từ đó về sau và cho đến ngày nay, thường theo vương pháp của tiên nhân Bà-tẩu, mỗi khi tế trời đều giết vật. Đương lúc hạ đao giết thì nói “Bà-tẩu giết người”.

Con của Bà-tẩu tên là Quảng-xa, kế vị làm vua, sau cũng nhàm chán thế pháp, nhưng lại không thể xuất gia. Quảng-xa suy nghĩ như vậy: “Tiên vương cha ta xuất gia mà bị chôn sống, nếu trị vì thiên hạ, thì còn gây tội lớn. Ta nay nên tự xử thế nào đây?” Trong lúc suy nghĩ như thế, vua bỗng nghe trong hư không có tiếng nói: “Người nếu đi đến gặp chỗ mà người thấy hiếm có, khó gặp được, thì người nên làm nhà trong đó mà ở”.

Nói lời ấy xong, liền không còn nghe tiếng nữa. Chưa bao lâu, vua đi săn, thấy một con Nai chạy mau như gió, vua đuổi theo mà không kịp, bèn đuổi mãi không dừng, bá quan tùy tùng không ai theo kịp cả. Đi dần tới trước, vua thấy có năm hòn núi bao vây nghiêm ngặt vững chắc, đất bằng phẳng, cỏ non nhỏ mịn, hoa đẹp khắp nơi, đủ thứ cây rừng, hoa quả đầy đầy, suối ấm, ao tắm đều trong sạch. Đất ấy rất đẹp, nơi nơi có rải hoa trời, hương trời, nghe tấu nhạc trời. Lúc bấy giờ, các kỹ nhạc Càn-thát-bà vừa thấy vua lại, đều tự rút lui. Vua nghĩ: “Đây là chỗ hy hữu chưa từng thấy, vậy đúng là ta nên làm nhà mà ở đây”.

Suy nghĩ như vậy xong, quần thần bá quan tìm dấu mà đến. Vua nói với quần thần: “Trước kia, ta nghe thấy trong hư không có tiếng nói: “Người nếu đi đến chỗ mà thấy là chỗ hiếm có, khó gặp thì người nên làm nhà mà ở đó”. Nay ta đã thấy nơi hiếm có này, ta sẽ làm nhà tại đây”. Vua liền bỏ thành cũ mà ở núi này. Vị vua ấy là người đầu tiên trú ở nơi đây, từ đó về sau, đời đời tiếp nối ở đây. Vị vua ấy tiên khởi tạo lập Cung xá, nên gọi là thành Vương-xá.

Lược nói “Thành Vương-xá” đã xong.

**KINH:** Trong núi Kỳ-xà-quật.

**LUẬN:** “Kỳ xà” là chim Thửu, “Quật” là núi

Hỏi: Sao gọi là Thửu đầu sơn?

Đáp: Núi ấy đỉnh tựa chim thửu. Người ở thành Vương-xá thấy núi ấy tựa chim thửu, nên cùng nhau truyền miệng nói là Thửu đầu sơn, nhân đó mà gọi là Thửu đầu sơn.

Lại nữa, trong rừng Thi-đà ở phía nam thành Vương-xá, có nhiều xác người chết, các chim thửu thường đến ăn rồi trở lại đậu ở đầu núi, người bấy giờ bèn gọi là Thửu đầu sơn. Núi này là núi cao lớn nhất trong năm núi, có nhiều rừng đẹp, nước tốt, các bậc Thánh hay ở đó.

Hỏi: Đã biết nghĩa của núi Kỳ-xà-quật, còn vì sao Phật trú ở thành Vương-xá? Pháp của chư Phật là từ bi đối với tất cả, như mặt trời chiếu sáng vạn vật không đâu là không tới. Có các thành lớn như Âu-kỳ-ni, Phú-lâu-na Bạt-đàn, A-lam-xa-đa-la, Phất-ca-la-bà-đa... những thành lớn như vậy, đông đúc, giàu vui, sao Phật không trú ở đó, mà thường trú ở thành Vương-xá và Xá-bà-đề (Xá-vệ)? Các thành Ba-la-nại, Ca-tỳ-la-bà, Chiêm-bà, Ta-sí-đa, Câu-diệm-tỳ, Cửu-lâu v.v... tuy có khi Phật trú ở các nơi đó, nhưng phần nhiều Phật trú ở thành Vương-xá và Xá-bà-đề. Làm sao biết Phật phần nhiều trú ở hai nơi đó? Vì thấy các kinh Phật phần nhiều nói ở hai thành ấy, mà ít nói ở thành khác?

Đáp: Phật tuy đại từ với khắp cả, nhưng các đại thành Âu-kỳ-ni v.v... là nơi biên quốc nên không trú ở. Lại không ở đất Di-ly-xa, vì kẻ tệ ác nhiều, thiện căn chưa thuần thực, như kệ nói:

*Như ánh mặt trời chiếu,  
Hóa đến lúc thì nở,  
Nếu hoa chưa thể nở,  
Không thể ép phải nở.  
Phật cũng lại như thế,  
Bình đẳng mà thuyết pháp,  
Thiện căn chín thì nở,  
Chưa chín thì không nở.  
Vì vậy nên Thế Tôn,  
Trú trong ba hạng người,  
Lợi trí, thiện căn chín,  
Kiết sử phiền não mỏng.*

Lại nữa, vì tri ân nên Phật phần nhiều trú ở hai thành Vương-xá và Xá-bà-đề.

Hỏi: Vì tri ân như thế nào mà phần nhiều trú ở hai thành ấy?

Đáp: Nước Kiều-tát-la là nơi đức Phật đản sanh. Như Phật trả lời vua Tần-bà-ta-la (Bimbisara) rằng:

*Có Quốc độ tốt đẹp,  
Ở tại bên núi Tuyết,  
Giàu vui, nhiều báu lạ,  
Tên gọi Kiều-tát-la (Kosala)  
Họ Thích, giống mặt trời,  
Ta sanh trong họ đó,  
Tâm chán già, bệnh, chết  
Xuất gia cầu Phật đạo.*

Lại, vua Ba-tư-nặc (Prasenajit), Quốc chủ nước Kiều-tát-la (Kosala) trú ở trong đại thành Xá-bà-đề (Savatthi). Phật là Pháp chủ cũng trú ở thành này, vì hai chủ thì nên ở một nơi, nên Phật phần nhiều trú ở Xá-bà-đề (Xá-vệ).

Lại nữa, nước Kiều-tát-la là nơi sanh thân của Phật, vì tri ân nên Phật trú ở Xá-bà-đề nhiều.

Hỏi: Nếu vì tri ân mà ở Xá-bà-đề nhiều, thì nước Ca-tỳ-la-vệ gần chỗ Phật sanh, sao không trú ở đó nhiều?

Đáp: Phật đã dứt hết kiết sử, không còn sót tập khí, nên dù gần thân thuộc cũng không sanh dị tưởng. Nhưng các đệ tử giòng họ Thích phần nhiều chưa ly dục, nếu ở gần người thân thuộc, thì tâm nhiễm trước dễ sanh.

Hỏi: Vì sao Phật không bảo hộ cho các đệ tử người thành Xá-bà-đề, mà lại trú ở đó nhiều?

Đáp: Đệ tử ở Ca-tỳ-la-bà nhiều. Khi Phật mới trở về nước cùng với một nghìn Tỳ-kheo của anh em Ca-diếp, họ là những người trước đã tu theo pháp Bà-la-môn, hành khổ hạnh trong núi nên thân hình tiêu tụy. Lúc Phụ vương của Ngài trông thấy họ, cho rằng các Tỳ-kheo ấy không đủ để làm rạng rỡ cho đức Thế Tôn, vua liền chọn con em của các quý nhân họ Thích và các tráng niên của thường nhân, mỗi hộ một người khiến xuất gia. Trong số đó, có người thiện tâm vui đạo, có người không vui; còn các Tỳ-kheo ấy, vua giữ lại không cho họ trở về bản xứ. Còn chúng đệ tử người Xá-bà-đề thì không như vậy, vì vậy nên Phật thường trú ở Xá-bà-đề mà không thường trú ở Ca-tỳ-la-bà.

Lại nữa, phép xuất gia không nên ở gần thân thuộc, vì gần thân thuộc tâm dễ nhiễm trước, như lửa như rắn. Như con các Bà-la-môn tại gia, vì sự học vấn mà không ở tại quê nhà, hướng là hàng xuất gia Sa-môn.

Lại nữa, thành Xá-bà-đề lớn, thành Ca-tỳ-la-bà không được như vậy. Thành ở Xá-bà-đề có chín ức nhà, nếu trú ở đó ít thời gian thì không thể độ được nhiều người, vì vậy cần phải trú ở đó lâu hơn.

Lại nữa, thành Ca-tỳ-la-bà là nơi Phật đản sinh; người trong đó đã tập hành lâu ngày, thiện căn thuần thực, trí tuệ lanh lợi, Phật chỉ ở đó một thời gian ngắn để thuyết pháp, không cần đợi lâu, hóa độ xong rồi đi. Còn người ở Xá-bà-đề, hoặc mới tập hành, hoặc tập hành đã lâu, hoặc thiện căn thuần thực, hoặc thiện căn chưa thuần thực, hoặc lợi căn, hoặc độn căn, vì học nhiều thứ kinh thơ mà tâm lanh lợi, rơi vào các lưới tà kiến, thờ đủ hạng thầy, thuộc đủ loại trời, và người tập hành nhiều, vì vậy Phật ở đó lâu. Như thầy trị ung nhọt, biết mụn nhọt đã chín, phá cho vỡ mủ ra, xức thuốc rồi đi, nếu mụn nhọt chưa chín thời ở lại lâu mà bôi, chườm thuốc. Phật cũng như vậy, nếu đệ tử thiện căn thuần thực thì giáo hóa xong liền đi đến chỗ khác; nếu đệ tử có thể độ mà thiện căn chưa thuần thực thì Ngài phải ở lại lâu.

Phật xuất hiện thế gian, chính vì muốn độ chúng sanh, đưa đến cảnh giới Niết-bàn, nơi vui sướng an ổn, cho nên phần nhiều trú ở Xá-bà-đề mà ít trú ở Ca-tỳ-la-bà.

Phật vì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành tựu pháp thân là ở xóm Ưu-lâu-tần-loa bên sông Ni-liên-thuyền thuộc nước Ma-kiệt-đà, nên trú ở thành Vương-xá nhiều.

Hỏi: Đã biết nhân duyên trú ở thành Vương-xá và Xá-bà-đề nhiều, trong hai thành ấy, sao Ngài lại trú ở thành Vương-xá nhiều hơn?

Đáp: Vì báo ân chổ sanh thân nên Ngài trú ở thành Xá-bà-đề nhiều. Hết thầy chúng sanh đều nhớ nghĩ đến sanh địa, như kệ nói:

*Tất cả luận nghị sư,  
Yêu mến điều mình biết,  
Như người nhớ sanh địa,  
Tuy xuất gia còn lụy.*

Và, vì để báo ân được thành tựu Pháp thân nên Ngài trú ở thành Vương-xá nhiều. Chư Phật đều yêu mến Pháp thân. Như kệ nói:

*Chư Phật trong quá khứ,  
Hiện tại và vị lai,  
Đều cúng dường, thờ kính,  
Và tôn trọng pháp thân.*

Pháp thân thù thắng hơn sanh thân, nên trong hai thành ấy, Ngài trú ở thành Vương-xá nhiều hơn.

Lại nữa, vì ở đó, tinh xá có chổ tọa thiền nhiều, chổ khác không

có, như Trúc Lâm (Veluvana), Bệ-bà-la-bạt-thứ, Tát-đa-ban-na-câu-ha, Nhân-đà-thế-la-câu-ha, Tát-bà Thứ-hôn-trực-ca-bát-bà-la. Trong năm núi Kỳ-xà-quật của thành Vương-xá có năm tinh xá như vậy, Trúc Lâm tinh xá ở bình địa, các nước khác không có nhiều tinh xá như ở đây. Thành Xá-bà-đề có một tinh xá Kỳ Hoàn và một Ma-già-la-mẫu-đường, không có nơi thứ ba. Nước Ba-la-nại có tinh xá ở trong vườn Nai, tên là Lê-sư-bàn-đà-na. Thành Tỳ-gia-lê có hai nơi là Ma-ha-bàn và Lôu-xá bên bờ ao Di-hầu. Câu-diệm-di có một nơi tên là vườn Cù-sư-la. Các nước như vậy, hoặc một nơi có tinh xá, hoặc rừng cây trồng. Vì thành Vương-xá có nhiều tinh xá thích hợp cho người tọa thiền, nên Phật trú ở đó nhiều.

Lại nữa, trong thành đó có Lục sư ngoại đạo là Phú-na-la v.v... Họ tự nói ta là người Nhất thiết trí, sánh đối với Phật. Lại có các luận nghị sư ngoại đạo như Trưởng Trảo Phạm-chí họ Bà-ta, Câu-ca-na-đại v.v... là những oan gia của Phật, không tin Phật pháp, ôm lòng tật đố. Vì có bọn người đó, nên Phật trú ở đó nhiều. Ví như chỗ có cỏ độc thì gần bên đó nhất định có thuốc hay. Lại như kệ nói:

*Ví như con sư tử,  
Là vua trăm loài thú,  
Mà thét với sâu con,  
Tất bị chúng chê cười.  
Nếu ở giữa cạp beo,  
Là loài thú dũng mãnh,  
Mà hăng hái thét to,  
Kẻ trí nên như vậy.  
Các thầy luận nghị như mãnh hổ,  
Ở trong chúng không còn sợ hãi.  
Bậc đại trí tuệ thấy nghe nhiều,  
Là tối đệ nhất trong chúng đó.*

Vì các người đại trí đa văn đều ở thành Vương-xá, nên Phật trú ở đó nhiều.

Lại nữa, vua Tân-bà-tà-la đến ở đền thờ Già-gia, rước Phật và một ngàn A-la-hán đã trừ kiết sử. Lúc ấy Phật thuyết pháp cho vua, vua được đạo quả Tu-đà-hoàn, liền thỉnh Phật: “Xin Phật và tăng đi đến thành Vương-xá của con, suốt đời thọ nhận y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược”. Phật liền nhận lời. Vì vậy Phật trú ở thành Vương-xá nhiều.

Lại nữa, trong bốn phương của Diêm-phù-đề, phương Đông kể đầu, vì nơi mặt trời mọc, tiếp đến phương Nam, Tây, Bắc. Tại phương Đông,

nước Ma-kiệt-đà là tối thắng. Trong nước Ma-kiệt-đà, thành Vương-xá là tối thắng, trong đó có mười hai ức nhà. Sau khi Phật Niết-bàn, vua A-xà-thế vì lẽ nhân dân ít dần nên bỏ đại thành Vương-xá, mà dựng một thành nhỏ bên đó, rộng và dài một do tuần, đặt tên là Ba-la-lợi-phất-đa-la (Pataliputra) còn lớn hơn các thành khác, hưởng gì thành cũ Vương-xá.

Lại nữa, trong thành đó người phần nhiều thông minh, đều học rộng biết nhiều, các nước khác không như thế.

Lại nữa, Phật dự biết có người đáng được độ, chờ thời, chờ nói, chờ người giáo hóa mới có thể đắc đạo, đó là Thích-đề-hoàn-nhơn và tám vạn chư thiên, phải ở trong thạch thất của Ma-già-đà mà đắc đạo, vì thế nên Phật trú ở thành Vương-xá nhiều.

Lại nữa, nước Ma-già-đà giàu vui, khát thực dễ được, các nước khác không bằng. Vì ba nhân duyên: Một, vua Tần-bà-ta-la ra sắc lệnh trong cung thường sắm sửa thức ăn cho một ngàn Tỳ-kheo. Hai, Thọ-đề-già (Yyoiska) tuy sanh ở trong loài người mà hưởng thọ khoái lạc chư thiên; lại có nhiều Ưu-bà-tắc giàu sang. Ba, Long vương Ba-la-la có thiện tâm vâng theo giáo hóa, làm đệ tử Phật, thường làm mưa tốt, trừ cơ cấn cho đời, nên nước được no đủ. Như sau khi đức Phật Niết-bàn, Trưởng lão Đại Ca-diếp muốn kết tập Pháp tạng, suy nghĩ: “Nước nào no đủ an vui, khát thực dễ được, để dễ chóng được kết tập pháp tạng?”. Suy nghĩ như vậy xong, nhớ trong thành Vương-xá, có vua Tần-bà-ta-la ra sắc lệnh thường sắm sửa thức ăn cho một ngàn Tỳ-kheo. Vua Tần-bà-ta-la tuy đã chết, mà lệ ấy vẫn còn, ở đó khát thực dễ được, dễ kết tập pháp tạng. Các chỗ khác không thể thường cúng dường như vậy. Nếu lúc đi khát thực, gặp các ngoại đạo đến luận nghị, nếu luận nghị với họ thì việc kết tập pháp tạng bị bê trễ, nếu không luận nghị với họ, thì họ sẽ nói các Sa-môn không bằng họ. Suy nghĩ như vậy, Ngài Ca-diếp chọn lấy một ngàn A-la-hán tối thượng, dẫn đến núi Kỳ-xà-quật kết tập Kinh tạng. Như trong A-hàm và Tỳ-ni nói rằng nước Tỳ-gia-ly có lúc cũng đói khát. Như trong kinh Hàng-nan-đà-bà, Nan-đà Long vương nói: “Nước Bà-xá-đề đói kém, các nước khác cũng thường khi đói kém, còn trong nước Ma-kiệt-đà không có chuyện đó”.

Vì vậy nên biết nước Ma-kiệt-đà sung túc yên vui, khát thực dễ được.

Lại nữa, thành Vương-xá ở chỗ yên tĩnh giữa các núi, tinh xá các nước khác ở bình địa, vì nhiều người phức tạp ra vào, qua lại dễ dàng nên không được yên tĩnh. Lại trong các núi này có nhiều tinh xá, các

người tọa thiền, các vị thánh nhân đều ưa chỗ nhàn tĩnh, nên phần nhiều trú ở đó. Phật là chủ tể của các bậc Thánh và người tọa thiền, nên trú ở thành Vương-xá nhiều.

Hỏi: Nếu Phật trú ở thành Vương-xá, được rồi, nhưng sao không trú ở Trúc viên mà thường trú ở Kỳ-xà-quật?

Đáp: Tôi đã trả lời là Thánh nhân và người tọa thiền ưa ở chỗ nhàn tĩnh.

Hỏi: Còn bốn núi khác, là Bệ-bà-la-bạt-thứ v.v... sao không thường ở mà thường ở Kỳ-xà-quật?

Đáp: Kỳ-xà-quật là tối thắng trong năm núi, tối thắng thế nào? Kỳ-xá-quật có tinh xá gần thành mà núi thì khó lên, nên hạng người tạp không thể đến, gần thành nên đi khát thực không nhọc, vì vậy Phật thường trú ở Kỳ-xà-quật, mà không ở các chỗ khác.

Lại nữa, Trưởng lão Đại Ca-diếp ở trong Kỳ-xà-quật kết tập ba Pháp tạng, độ xong những chúng sanh khả độ, muốn theo Phật vào Niết-bàn nên sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Vương-xá khát thực rồi lên Kỳ-xà-quật nói với các đệ tử: “Ta nay muốn vào Vô-dư Niết-bàn”. Nói như vậy xong, vào phòng ngồi kiết-già, các thiền định vô lậu tự huân ướp thân. Đệ tử của Đại Ca-diếp nói với các quý nhân: “Các người biết không, hôm nay Tôn giả Đại Ca-diếp vào Vô-dư Niết-bàn?” Các quý nhân nghe được đều hết sức u sầu nói: “Phật đã diệt độ, Đại Ca-diếp hộ trì Phật pháp nay lại muốn vào Vô-dư Niết-bàn!”.

Các quý nhân, các Tỳ-kheo, vào lúc xế chiều tụ tập ở Kỳ-xà-quật. Trưởng lão Đại Ca-diếp lúc xế chiều từ thiền định dậy, vào giữa chúng ngồi tán thuyết về vô thường, rằng hết thảy pháp hữu vi vì nhân duyên sanh nên vô thường. Trước không nay có, có rồi hoàn không nên vô thường. Nhân duyên sanh nên vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã, vì vô ngã nên người có trí không nên chấp ngã và ngã sở. Nếu chấp ngã và ngã sở thì bị vô lượng ưu sầu khổ não. Trong hết thảy thế giới, tâm nên nhàn chán mà cầu ly-dục. Thuyết các thứ khổ não như thế trong thế giới, khai mở tâm cho đại chúng, khiến vào Niết-bàn.

Nói lời ấy xong, Tôn giả liền mặc y Tăng-già-lê nhận được từ Phật, mang y bát, cầm tích trượng, như chim Kim-sí hiện bay lên hư không, với bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi của thân; một thân hiện ra vô lượng thân, khắp cả thế giới phương Đông; từ vô lượng thân trở lại một thân, phần thân trên xuất lửa, phần thân dưới xuất nước, phần thân trên xuất nước, phần thân dưới xuất lửa. Ở phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy, làm cho tâm mọi người nhàm chán thế gian, đều hoan hỷ xong, Tôn giả

ở tại đỉnh Kỳ-xà-quật, cùng y bát đầy đủ, phát nguyện: “Nguyện cho thân tôi không hoại, khi đức Di-lặc thành Phật, cốt thân này của tôi xuất hiện trở lại, lấy nhân duyên ấy để độ chúng sanh”. Phát nguyện như vậy, Tôn giả đi thẳng vào trong đá ở trên đỉnh Kỳ-xà-quật, như đi vào bùn nhuyến, vào xong, núi khép lại. Về sau, khi con người sống tám vạn bốn ngàn tuổi, thân cao tám mươi thước. Phật Di-lặc ra đời, thân Phật cao một trăm sáu mươi thước, mặt Phật hai mươi bốn thước, vòng hào quang mười dặm. Lúc ấy chúng sanh nghe đức Phật Di-lặc ra đời, vô lượng người theo Phật xuất gia. Lúc Phật ở giữa đại chúng thuyết pháp lần đầu tiên, có chín mươi chín ức người chứng được đạo quả La-hán, đầy đủ sáu thông. Hội thứ hai, có chín mươi ức người chứng được đạo quả La-hán. Hội thứ ba, có chín mươi ba ức người chứng được đạo quả La-hán. Từ đó về sau, độ vô số người.

Nhân dân bấy giờ dần dần về sau sinh biếng nhác, chán nản. Phật Di-lặc thấy chúng nhân như vậy, dùng ngón chân mà mở núi Kỳ-xà-quật ra. Lúc ấy, cốt thân của Trưởng lão Đại Ca-diếp mặc y Tăng-già-lê hiện ra, đánh lễ chân Phật Di-lặc, rồi bay lên hư không hiện các thần biến như trước, liền ở giữa hư không tự diệt thân mà vào Niết-bàn.

Bấy giờ, các đệ tử của Phật Di-lặc trông thấy, lấy làm lạ hỏi: “Đó là thế giới nào, tựa như người mà nhỏ, thân mặc pháp y mà có thể làm biến hóa?” Đức Phật Di-lặc đáp: “Đó là đệ tử của Phật Thích-ca Mâu-ni ở đời quá khứ tên là Đại Ca-diếp, tu hạnh A-lan-nhã; ít muốn, biết đủ; bậc nhất về hạnh tu Đầu đà trong hàng Tỳ-kheo, chứng được Sáu thần thông, và đắc đại A-la-hán giải thoát. Lúc ấy, con người sống một trăm tuổi, tăng thì ít mà giảm thì nhiều, cho nên thân nhỏ mà có thể làm chuyện to như thế. Các người thân lớn, lợi căn, tại sao không làm được công đức như vậy?”

Bấy giờ các đệ tử đều hổ thẹn, sanh tâm rất nhàm chán, Phật Di-lặc tùy theo tâm chúng sanh mà thuyết các pháp cho họ. Có người được A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, có người gieo giống thiện căn Bích-chi Phật, có người được vô sanh pháp nhẫn, Bất thối Bồ-tát, có người sanh trong loài trời, loài người hưởng thọ phước báo.

Do vậy, nên biết núi Kỳ-xà-quật là chỗ phước đức cát tường, các bậc Thánh ưa ở. Phật là chủ thể của các bậc Thánh, nên Phật thường ở núi Kỳ-xà-quật.

Lại nữa, núi Kỳ-xà-quật, là trú xứ của các đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Như trong Kinh Phú-lâu-na nói: “Phật nói với Phú-lâu-na: Giả sử Tam thiên đại thiên thế giới ở trong kiếp thiêu, hoặc sanh lại, Ta

vẫn thường trú trong núi này. Hết thấy chúng sanh, vì kiết sử buộc ràng, không tạo công đức để thấy Phật, nên không thấy Ta”.

Lại nữa, núi Kỳ-xà-quật là chỗ thanh tịnh, tươi tốt của tam thế Phật và các Bồ-tát, không còn chỗ nào như vậy, nên Phật hay trú ở núi Kỳ-xà-quật.

Lại nữa, các kinh Đại thừa đều thuyết ở núi Kỳ-xà-quật, các chỗ khác thì ít, vì sao vậy? Vì ở đó là chỗ thanh tịnh, có phúc đức, yên tĩnh, là chỗ tam thế chư Phật ở và mười phương các Bồ-tát cùng tán thán cung kính. Chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Chân-đà-la, Ma-hầu-la-già v.v... Các Quỷ thần đại lực thủ hộ, cúng dường cung kính chỗ đó, như kệ nói:

*Núi Kỳ-xà-quật này, Trú xứ của chư  
Phật,  
An nghỉ của Thánh nhân, Vì che mát tất  
cả,  
Các khổ được giải thoát, Chỉ còn chân  
pháp thôi.*

Lại nữa, vì ở đó, vô lượng đại Bồ-tát có năng lực trí tuệ phước đức trong mười phương thường đến chiêm ngưỡng đức Phật Thích-ca Mâu-ni, đánh lễ cung kính nghe pháp. Phật thuyết kinh Đại thừa phần nhiều ở núi Kỳ-xà-quật. Trong các kinh Đại thừa, Kinh Bát nhã là tối đại, sao không thuyết ở núi Kỳ-xà-quật được!

Lược nói núi Kỳ-xà-quật xong.

-----o0o-----